

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN P**

Tỉnh Bến Tre

Bản án số: **20/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 19 - 4 - 2021

V/v “*Ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P- TỈNH BẾN TRE**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Triết

***- Các hội thẩm nhân dân :*** 1. Ông Dương Văn Hai  
2. Ông Nguyễn Văn Chót

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 444/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Lê Thị Huyền H, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Số 397/789, ấp M Th, xã LM, huyện T, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Trần Khánh D, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Số 45/3, ấp A B, xã A N, huyện P, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Huyền H trình bày:***

Chị và anh Trần Khánh D cưới nhau năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã AN và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 03/4/2018. Sau khi kết hôn, thì vợ chồng sống hạnh phúc sinh được 01 con chung tên Trần Lê Khánh D, sinh ngày 26/01/2019 hiện nay đang sống chung với chị. Tài sản chung, nợ chung không có. Nguyên nhân vợ chồng không còn sống chung là do xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống và ngày càng nghiêm trọng. Nay chị nhận thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết như sau:

Về hôn nhân: chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Trần Khánh D. Chị không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Lê Khánh D, sinh ngày 26/01/2019, chị không yêu cầu Anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

***Tại phiên tòa bị đơn Trần Khánh D vắng mặt nhưng theo nội dung bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 20/11/2020, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ Anh D trình bày:***

Anh D thống nhất với chị Lê Thị Huyền H về thời gian cưới nhau, kết hôn. Còn về nguyên nhân mất hạnh phúc là do trong quá trình sống chung có đôi lúc gặp chút áp lực về kinh tế và những mâu thuẫn nhỏ giữa em gái Anh D với chị H, gia đình đã hòa giải nhưng không giải quyết được mâu thuẫn, Anh D còn thương chị H nên muốn có thêm thời gian suy nghĩ; đã ly thân khoảng 08 tháng nay.

Về hôn nhân: Anh D không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Huyền H. Nếu có ly hôn thì anh không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: nếu có ly hôn thì Anh D đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi dưỡng Trần Lê Khánh D, sinh ngày 26/01/2019 và anh không cấp dưỡng nuôi con .

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

***Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án cho rằng:*** Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng; Tại phiên tòa Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đầy đủ theo đúng thủ tục tố tụng; người tham gia tố tụng là nguyên đơn, đã nghiêm túc chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn chưa nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền của mình, tại phiên tòa vắng mặt không lý do.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Lê Thị Huyền H được ly hôn với anh Trần Khánh D. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn do hai bên không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét. Về con chung: chị Lê Thị Huyền H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Lê Khánh D, sinh ngày 26/01/2019, Anh D không cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu. Về tài sản chung: không yêu cầu nên không giải quyết. Về nợ chung: không có nên không giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Huyền H yêu cầu ly hôn với anh Trần Khánh D, do bị đơn sinh sống tại huyện P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Trần Khánh D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Anh D.

[3] Chị Lê Thị Huyền H và anh Trần Khánh D cưới nhau vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã AN và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 03/4/2018 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên không có thiện chí dung hòa khắc phục mâu thuẫn hiện nay đã ly thân, trong khoảng thời gian không sống chung hai bên không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm, cũng như hai bên không có giải pháp nào giải quyết những mâu thuẫn để sum họp gia đình và từ khi ly thân hai bên có cuộc sống riêng tư, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đồng thời quá trình giải quyết Tòa án thu thập chứng cứ bằng biện pháp xác minh tình trạng hôn nhân thì được xác nhận tình trạng hôn nhân hai bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống và sinh hoạt nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở phù hợp tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị Lê Thị Huyền H được ly hôn với anh Trần Khánh D. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn do hai bên không yêu cầu nên không xem xét.

[4] *Về nuôi con chung*: Hai bên thống nhất quyền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận như sau:

Chị H được trực tiếp nuôi dưỡng Trần Lê Khánh D, sinh ngày 26/01/2019. Anh D không cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu.

[5] *Về tài sản chung*: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Các đương sự trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Chị H phải nộp án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Huyền H. Cho chị Lê Thị Huyền H được ly hôn với anh Trần Khánh D. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn do hai bên không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

- Về con chung: Chị H được trực tiếp nuôi dưỡng Trần Lê Khánh D, sinh ngày 26/01/2019. Anh D không cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu.

Anh D có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền

ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị H phải nộp 300.000đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số: 0003235 ngày 13/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P. Như vậy án phí chị H đã nộp xong.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã AN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

( Đã ký và đóng dấu)

**Hồ Thị Triết**

